TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ G** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 9 - 2018
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Thị Thúy Linh**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Lê Thị Mỹ**

2. Ông Mai Văn Bé Em

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Ngọc Tú** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố G.

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 260/2018/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 7 năm 2018 về việc "**Tranh chấp ly hôn, nuôi con**" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/QĐST-HNGĐ ngày 04/9/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thị D, sinh năm 1992 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã Thạnh Lộc, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Lê Nhựt H2, sinh năm 1991 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 74/39 đường D2, phường H3, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Thị D trình bày:***

Chị D và anh Lê Nhựt H2 qua tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2006; anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND phường H3, thành phố G, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 117 quyển số 02 ngày 7/6/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên thời gian về sau do công việc nên vợ chồng mỗi người sống một nơi, từ đó anh H2 đã thay đổi tình cảm vợ chồng và có người phụ nữ khác chung sống với nhau như vợ chồng và đã có con chung với nhau và anh H2 không còn quan tâm đến vợ con. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh H2.

Về con chung: Chị D xác định vợ chồng chung sống có 01 người con chung Lê Thị Kiều T1, sinh ngày 15/3/2013. Hiện nay đang sống với mẹ.

Về tài sản, nợ chung: Chị D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Chị D xác định không còn tình cảm yêu thương anh H2 nữa và yêu cầu được ly hôn với anh H2.

Về con chung: Chị D yêu cầu được nuôi con. Chị D không yêu cầu anh H2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Nhựt H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có yêu cầu phản tố và không có văn bản trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.***

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Chị Thị D khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu nuôi con chung với bị đơn anh Lê Nhựt H2 và anh H2 là bị đơn có nơi cư trú tại thành phố G, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố G.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lê Nhựt H2 chưa có ý kiến trình bày về đơn khởi kiện xin ly hôn của chị D tại Tòa án. Tuy nhiên, Toà án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo thụ lý và tống đạt các tài liệu chứng kèm theo đơn khởi kiện; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án xét xử, Quyết định hoãn phiên toà hợp lệ, nhưng anh Lê Nhựt H2 cố tình tránh mặt không đến Toà án. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Thị D yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt anh H2.

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Thị D và anh Lê Nhựt H2 được xác lập trên cơ sở tự nguyện; có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đã được UBND phường H2, thành phố G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 117 quyển số 02 ngày 7/6/2012, nên theo quy định tại Điều 9, Điều 11 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Thị D, Hội đồng xét xử nhận định: Theo quy định pháp luật về hôn nhân và gia đình thì quan hệ vợ chồng pH2 dựa trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ; vợ chồng có nghĩa vụ quan tâm, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng nhau xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc. Chị D xác định, trong cuộc sống hôn nhân anh H2 và chị D không còn tình cảm, yêu thương và hiện nay anh H2 chung sống với người phụ nữ khác. Anh H2 và chị D cũng có khoảng thời gian ly thân từ tháng 03 năm 2016. Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại thời điểm xét xử, anh H2 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, đồng thời yêu cầu anh H2 có ý kiến trình bày bằng văn bản về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị D nhưng anh H2 đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày. Từ đó cho thấy anh H2 không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị D và tại phiên tòa chị D xác định không còn tình cảm yêu thương với anh H2 nữa, chị D giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh H2. Xét thấy cuộc sống hôn nhân của chị D và anh H2 không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó qua nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thị D, cho chị D ly hôn với anh Lê Nhựt H2.

[5] Về con chung: Chị D xác định chị và anh H2 chung sống có 01 người tên Lê Thị Kiều T1, sinh ngày 15/3/2013. Hiện nay đang sống với chị D. Chị D có nguyện vọng được nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, chị D có điều kiện để lo cho con của anh chị phát triển tốt. Mặc khác, cháu T1 là bé gái và còn nhỏ nên cần được sự chăm sóc của người mẹ; do đó, việc giao cháu T1 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị D không không yêu anh H2 cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung: Chị D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Chị D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nếu anh H2 cho rằng có tài sản chung và có tranh chấp, thì khởi kiện thành một vụ kiện dân sự khác.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Thị D phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng);* được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004888 ngày 13/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thị D về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung với bị đơn anh Lê Nhựt H2.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị D được ly hôn với anh Lê Nhựt H2.

2. Về con chung: Giao cho chị Thị D tiếp tục nuôi dưỡng người con tên Lê Thị Kiều T1, sinh ngày 15/3/2013. Anh H2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H2 được thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Thị D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Thị D phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004888 ngày 13/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17/9/2018); bị đơn anh Lê Nhựt H2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

*** Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. G;
- Chi cục THA dân sự Tp. G;
- Các đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Thùy Linh